**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP ĐỊA LÍ KHỐI 11- GIỮA HỌC KÌ II**

**I. TRẮC NGHIỆM**

**BÀI 18: KINH TẾ HOA KỲ**

**Câu 1:** Hoa Kỳ là quốc gia có GDP

**A.** đứng sau Trung Quốc. **B.** đứng đầu thế giới.

**C.** đứng sau Nhật Bản. **D.** lớn gấp nhiều lần EU.

**Câu 2:** Nền kinh tếHoa Kỳ có

**A.** trình độ phát triển thấp. **B.** trình độ phát triển cao.

**C.** năng suất lao động thấp. **D.** quy mô GDP tương đối nhỏ.

**Câu 3:** Hoa Kỳ là thành viên của tổ chức nào sau đây?

**A.** Asean. **B.** EU. **C.** NICs. **D.** G7, G20.

**Câu 4:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với kinh tế Hoa Kỳ?

**A.** Tổng thu nhập lớn nhất thế giới. **B.** GDP bình quân đầu người cao.

**C.** Công nghiệp khai thác nhỏ bé. **D.** Nông nghiệp đứng đầu thế giới.

**Câu 5:** Năm 2020, GDP của Hoa Kỳ

**A.** chiếm trên 25% toàn thế giới. **B.** chiếm gần 25% toàn thế giới.

**C.** chiếm gần 23% toàn thế giới. **D.** chiếm trên 23% toàn thế giới.

**Câu 6:** Ngành dịch vụ của Hoa Kỳ có

**A.** tỉ trọng trong GDP lớn nhất. **B.** số lượng lao động khá đông.

**C.** tốc độ tăng trưởng khá nhỏ. **D.** hàng hóa ít có sự đa dạng.

**Câu 7:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngoại thương của Hoa Kỳ hiện nay?

**A.** Chiếm tỉ trọng lớn trong GDP. **B.** Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu lớn.

**C.** Giá trị nhập siêu ngày càng tăng. **D.** Là một nước xuất siêu rất lớn.

**Câu 8:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với hoạt động thông tin liên lạc của Hoa Kỳ?

**A.** Rất hiện đại. **B.** Nhiều vệ tinh.

**C.** Có GPS toàn cầu. **D.** Ít thay đổi.

**Câu 9:** Đâu là ngành công nghiệp truyền thống của Hoa Kỳ?

**A.** Khai thác than. **B.** Hóa dầu.

**C.** Chế tạo máy bay. **D.** Điện tử - tin học.

**Câu 10:** Các ngành sản xuất công nghiệp truyền thống của Hoa Kỳ hiện nay chủ yếu tập trung ở vùng

**A.** Đông Bắc. **B.** Đông Nam.

**C.** ven Thái Bình Dương. **D.** ven vịnh Mê-hi-cô.

**Câu 11:** Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của Hoa Kỳ thay đổi theo hướng

**A.** tăng ngành khai thác, tăng ngành chế biến. **B.** giảm ngành truyền thống, tăng ngành hiện đại.

**C.** giảm ngành hiện đại, tăng ngành truyền thông. **D.** giảm ngành chế biến, tăng ngành khai thác.

**Câu 12:** Ngành công nghiệp nào của Hoa Kỳ tạo ra doanh thu lớn và thu hút hơn 12 triệu lao động việc làm năm 2020?

**A.** Công nghiệp hóa chất. **B.** Hàng không - vũ trụ.

**C.** Sản xuất ô tô, xe máy. **D.** Điện tử - tin học.

**Câu 13:** Ngành công nghiệp nào của Hoa Kỳ thu hút gần 2 triệu lao động, đóng góp hơn 870 tỉ USD vào GDP năm 2020?

**A.** Công nghiệp hóa chất. **B.** Hàng không - vũ trụ.

**C.** Sản xuất ô tô, xe máy. **D.** Điện tử - tin học.

**Câu 14:** Hoa Kỳ **không** phải là nước xuất khẩu nhiều

**A.** lúa mì. **B.** cà phê. **C.** ngô. **D.** đỗ tương.

**Câu 15:** Trung tâm công nghiệp nào sau đây nằm ở phía Tây Hoa Kỳ?

**A.** Xan Phranxixcô. **B.** Niu Ooclin. **C.** Niu Iooc. **D.** Sicagô.

**Câu 16:** Trung tâm công nghiệp nào sau đây nằm ở phía Đông Hoa Kỳ?

**A.** Xittơn. **B.** Xan Phranxixcô. **C.** Philađenphia. **D.** Lôt Angiơlet.

**Câu 17:** Đường ô tô của Hoa Kỳ có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Có các đội tàu hiện đại bậc nhất. **B.** Số lượng sân bay lớn, phân bố rộng.

**C.** Mạng lưới rộng khắp, chất lượng tốt. **D.** Hệ thống sông ngòi dày đặc nhất.

**BÀI 19: VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ XÃ HỘI LIÊN BANG NGA**

**MỤC I,II**

**Câu 1:** Liên bang Nga giáp với các đại dương nào sau đây?

**A.** Thái Bình Dương, Bắc Băng Dương. **B.** Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương.

**C.** Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương. **D.** Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương.

**Câu 2:** Lãnh thổ của Liên bang Nga có:

**A.** diện tích rộng nhất thế giới. **B.** nằm hoàn toàn ở châu Âu.

**C.** giáp Ấn Độ Dương. **D.** liền kề với Đại Tây Dương.

**Câu 3:** Lãnh thổ Liên bang Nga **không** giáp với biển nào sau đây?

**A.** Ban-tích. **B.** Biển Đen. **C.** Ca-xpi. **D.** Địa Trung Hải.

**Câu 4:** Liên bang Nga tiếp giáp với bao nhiêu quốc gia?

**A.** 11  **B.** 12  **C.** 13  **D.** 14

**Câu 5:** Sông nào sau đây được xem là ranh giới tự nhiên của phần phía Đông và phần phía Tây Liên bang Nga?

**A.** Von-ga. **B.** Ô-bi. **C.** I-ê-nit-xây. **D.** Lê-na.

**Câu 6:** Đặc điểm tự nhiên phần phía Tây của nước Nga là

**A.** đại bộ phận là đồng bằng và vùng trũng. **B.** phần lớn là vùng núi và các cao nguyên.

**C.** có nguồn khoáng sản và lâm sản khá lớn. **D.** có nguồn trữ năng thủy điện lớn ở sông.

**Câu 7:** Phần lớn lãnh thổ Liên bang Nga thuộc vành đai khí hậu

**A.** cận cực. **B.** ôn đới. **C.** cận nhiệt. **D.** nhiệt đới.

**Câu 8:** Đặc điểm tự nhiên của phần phía Đông nước Nga là

**A.** phần lớn núi và cao nguyên. **B.** có đồng bằng và vùng trũng.

**C.** có dãy U-ran giàu khoáng sản. **D.** có nhiều đồi thấp và đầm lầy.

**Câu 9:** Nơi có nhiều thuận lợi cho trồng cây lương thực của Nga là

**A.** đồng bằng Đông Âu. **B.** đồng bằng Tây Xi-bia.

**C.** đông Xi-bia. **D.** phần phía Đông.

**Câu 10:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của Liên bang Nga?

**A.** Nằm ở châu lục Á, Âu. **B.** Nằm ở bán cầu Bắc.

**C.** Giáp với Thái Bình Dương. **D.** Giáp với Đại Tây Dương.

**Câu 11:** Dãy núi U-ran là nơi tập trung nhiều

**A.** dầu mỏ. **B.** khí tự nhiên. **C.** than đá. **D.** kim cương.

**Câu 12:** Dãy U-ran được xem là ranh giới tự nhiên của

**A.** đồng bằng Đông Âu và cao nguyên Trung Xi-bia.

**B.** phần lãnh thổ phía Đông và phần lãnh thổ phía Tây.

**C.** hai châu lục Á-Âu trên lãnh thổ Liên bang Nga.

**D.** hai bán cầu Đông - Tây trên lãnh thổ Liên bang Nga.

**Câu 13:** Phía Bắc đồng bằng Tây Xi-bia

**A.** chủ yếu là đầm lầy. **B.** có nhiều than, quặng sắt.

**C.** trồng nhiều cây lương thực. **D.** là nơi chăn nuôi chính.

**MỤC III**

**Câu 1**. Ý nào dưới đây đúng khi nói về đặc điểm dân cư của Liên bang Nga?

**A.** Đông dân, tăng chậm. **B.** Đông dân, tăng nhanh.

**C.** Ít dân, tăng chậm. **D.** Ít dân, tăng nhanh

**Câu 2 .** Câu nào dưới đây đúng khi nói về đặc điểm dân cư Liên bang Nga?

**A.** Số dân tăng nhanh. **B.** Tỉ lệ sinh giảm mạnh.

**C.** Tỉ lệ người nhập cư lớn. **D.** Dân số ở mức trung bình.

**Câu 3**. Năm 2020, Liên bang Nga có bao nhiêu thành phố có số dân trên 1 triệu người?

**A.** 5 **B.** 10 **C.** 15 **D.** 20

**Câu 4.** Năm 2020, tỉ lệ dân thành thị của Liên bang Nga đạt bao nhiêu %?

**A.** 62,5 **A.** 73,4 **C.** 73,7 **D.** 74,8

**Câu 5.** Năm 2020, mật độ dân số trung bình của Liên bang Nga ở mức nào?

**A**. Cao. **B.** Trung bình. **C.** Thấp. **D.** Rất thấp.

**Câu 6.** Năm 2020, Liên bang Nga có mật độ dân số trung bình khoảng bao nhiêu?

**A.** 12 người/km2. **B.** 10 người/km2. **C.** 9 người/km2. **D.** 8 người/km2.

**Câu 7**. Năm 2020, dân số Liên bang Nga đạt bao nhiêu triệu người?

1. 143 **B.** 145 **C.** 146 **D.** 148

**Câu 8.** Năm 2020, thủ đô Mát-xcơ-va của Nga có số dân là bao nhiêu?

**A.** trên 12,5 triệu người. **B.** trên 13,5 triệu người.

**C.** trên 14,5 triệu người. **D.** trên 15,5 triệu người.

**Câu 9.** Dân cư Liên bang Nga có bao nhiêu dân tộc?

**A.** Khoảng 56. **B.** Khoảng 63. **C.** Khoảng 80. **D.** Khoảng 100.

**Câu 10.** Tỉ lệ người biết chữ ở Liên bang Nga đạt bao nhiêu %?

**A.** 100 **B.** 99 **C.** 98 **D.** 97

**Câu 11.** Năm 2020, chỉ số HDI của Liên bang Nga đạt bao nhiêu?

**A.** 0,828 **B.**0,829 **C.** 0,830 **D.** 0,831

**Câu 12 .** Năm 2020, GNI/người của Liên bang Nga là bao nhiêu?

**A.** 20740 USD. **B.** 15740 USD. **C.** 12740 USD. **D.** 10740 USD.

**BÀI 20: KINH TẾ LIÊN BANG NGA**

**MỤC I BÀI 20**

**Câu 1:** Công nghiệp được coi là

**A.** ngành xương sống của nền kinh tế Liên Bang Nga.

**B.** ngành mũi nhọn của nền kinh tế Liên Bang Nga.

**C**. ngànhít đóng góp cho sư phát triển kinh tế Liên Bang Nga.

**D.** ngành kém phát triển Liên Bang Nga.

**Câu 2:** Năm 2020 công nghiệp của Liên Bang Nga chiếm

**A.** 50% trong tổng GDP của nền kinh tế. **B.** 40% trong tổng GDP của nền kinh tế.

**C.** 20% trong tổng GDP của nền kinh tế. **D.** khoảng 30% trong tổng GDP của nền kinh tế.

**Câu 3:** Ngành công nghiệp nào sau đây **không** phải là truyền thống của Nga?

**A.** Năng lượng. **B.** Luyện kim đen. **C.** Khai thác vàng. **D.** Hàng không.

**Câu 4:** Hiện nay, Nga tập trung phát triển các ngành công nghiệp hiện đại nào?

**A.** Điện tử - tin học, hàng không, quốc phòng. **B.** Quốc phòng, hàng không, luyện kim đen.

**C.** Luyện kim đen, điện tử - tin học. **D.** Điện tử - tin học, hàng không, sản xuất giấy.

**Câu 5:** Ngành công nghiệp mũi nhọn, hằng năm đem lại nguồn tài chính lớn cho Liên Bang Nga là

**A.** công nghiệp cơ khí **B.** công nghiệp luyện kim

**C.** công nghiệp thực phẩm **D.** công nghiệp khai thác dầu khí.

**Câu 6:** Công nghiệp Nga tập trung chủ yếu nhất ở vùng nào sau đây?

**A.** Đồng bằng Đông Âu. **B.** Đồng bằng Tây Xi-bia.

**C.** Khu vực dãy U-ran. **D.** Khu vực Viễn Đông.

**Câu 7 :** Các trung tâm công nghiệp rất lớn của Liên bang Nga là

**A.** Mát-xcơ-va và Xanh Pê-téc-bua. **B.** Xanh Pê-téc-bua và Nô-vô-xi-biêc.

**C.** Nô-vô-xi-biêc và Vla-đi-vô-xtôc. **D.** Vla-đi-vô-xtôc và Ác-khan-ghen.

**Câu 8:** Các cây trồng quan trọng nhất của Nga là

**A.** lúa mì, củ cải đường, khoai tây và ngũ cốc. **B.** khoai tây, hướng dương, lúa gạo, nho, ôliu.

**C.** củ cải đường, lúa mạch, ngô, nho, yến mạch. **D.** lúa mì, khoai tây, lúa mạch đen, cam, chanh.

**Câu 9:** Liên bang Nga nhập khẩu chủ yếu là

**A.** dầu thô và khí tự nhiên. **B.** máy móc và dược phẩm.

**C.** kim loại quý và sắt thép. **D.** xe hơi, thiết bị viễn thông…

**Câu 10:** Liên bang Nga xuất khẩu nhiều nhất là

**A.** dầu thô và khí tự nhiên. **B.** máy móc và dược phẩm,

**C.** sản phẩm điện, điện tử. **D.** xe cộ, đá quý, chất dẻo.

**Câu 11 :** Năm 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Liên Bang Nga đạt

**A.** 4,6% **B.** 4,8% **C.** 4,9% **D.** 4,7%

**Câu 12:** Năm 2020, ngành dịch vụ của Liên Bang Nga chiếm

**A.** 56,1 % tổng GDP của nền kinh tế. **B.** 57,3 % tổng GDP của nền kinh tế.

**C.** 58,3 % tổng GDP của nền kinh tế. **D.** 59,3 % tổng GDP của nền kinh tế.

**II. TỰ LUẬN**

**Câu 1. Em hãy nêu một số đặc điểm chính của ngành công nghiệp Hoa Kỳ.**

- Ngành công nghiệp đóng góp hơn 18% GDP của Hoa Kỳ (năm 2020), đây là ngành quan trọng đối với việc sản xuất các mặt hàng xuất khẩu.

- Cơ cấu ngành công nghiệp Hoa Kỳ có sự chuyển dịch mạnh mẽ, phát triển mạnh các ngành công nghiệp hiện đại.

- Ngành công nghiệp của Hoa Kỳ có sự chuyển dịch theo lãnh thổ.

- Phân bố chủ yếu ở các bang ven bờ Thái Bình Dương, ven vịnh Mexico, Đại Tây Dương.

**Câu 2. Tại sao nói ngành công nghiệp hàng không vũ trụ, quốc phòng của Hoa Kỳ là ngành đứng hàng đầu thế giới? Kể tên một số sản phẩm và cho biết sự phân bố.**

- Thu hút gần 2 triệu lao động, đóng góp hơn 870 tỉ USD vào GDP.

- Tổng giá trị hàng xuất khẩu của ngành này đạt hơn 90 tỉ USD (năm 2020).

- Một số sản phẩm: Máy bay, linh kiện, các loại vũ khí hiện đại,…

- Phân bố: California, Texas, Floria, các bang Đông Bắc,…

**Câu 3. Em hãy nêu một số đặc điểm chính của ngành chăn nuôi Hoa Kỳ.**

- Hoa Kỳ có ngành chăn nuôi phát triển, vật nuôi chủ yếu là lợn, bò,…

- Đàn lợn phân bố chủ yếu ở các bang phía bắc, ven khu vực Ngũ Hồ như Iowa, Minnesota,…

- Đàn bò phân bố chủ yếu ở các bang phía nam, ven vịnh Mexico, Texas, Oklahoma,…

- Hoa Kỳ còn là quốc gia có số lượng đàn gia cầm hàng đầu thế giới,…

**Câu 4. Em hãy chứng minh rằng Hoa Kỳ là quốc gia có hệ thống giao thông vận tải phát triển hàng đầu thế giới?**

- Đường ô tô: Mạng lưới rộng khắp, chất lượng tốt, hệ thống đường cao tốc được đầu tư hiện đại.

- Đường hàng không: Số lượng sân bay lớn, phân bố rộng khắp các bang.

- Đường biển: Đây là ngành phát triển mạnh, các tuyến đường biển kết nối hầu hết các khu vực và quốc gia trên thế giới nhờ đội tàu lớn.

- Đường sắt: Có tuyến đường sắt cao tốc nối các thành phố trong khu vực Đông Bắc: Boston, Whashington, New York,…

**Câu 5 : Trình bày đặc điểm vị trí địa lí của Liên bang Nga?**

**-** Nằm ở phía bắc lục địa Á – Âu.

- Giáp Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương, biển Ban Tích, biển Đen, biển Ca-xpi.

- Giáp 14 nước, có chiều dài đường biên giới xấp xỉ chiều dài đường xích đạo.

- Hệ tọa độ địa lý: 41°B – 77°B; 27°Đ – 169°T.

**Câu 6 :Trình bày những nét đặc trưng về thủy văn của Liên bang Nga?**

- Có nhiều sông lớn, như: Von-ga, Ô-bi, Lê-na, I-ê-nít-xây…

- Sông Von-ga chảy trong vùng Đồng bằng Đông Âu và là sông dài nhất châu Âu.

- Các sông ở vùng Xi-bia chủ yếu chảy theo hướng nam - bắc, đổ ra Bắc Băng Dương, cửa sông thường bị đóng băng vào mùa đông.

- Các hồ lớn của Liên bang Nga là Ca-xpi và Bai-can.

- Hồ Bai-can là hồ nước ngọt sâu nhất và lớn nhất thế giới.

**Câu 7:** **Trình bày những nét đặc trưng về địa hình của Liên bang Nga?**

- Địa hình được chia thành hai phần: phía Tây và phía Đông, phân cách nhau bởi sông I-ê-nít-xây.

- Phía Tây:

+ Đồng bằng Đông Âu: rộng, khá cao, đất đai màu mỡ.

+ Đồng bằng Tây Xi-bia có 2 phần rõ rệt: phía bắc chủ yếu là đầm lầy; phía nam cao hơn có đất đen thảo nguyên.

- Phía Đông: Cao nguyên Trung Xi-bia và các dãy núi, sơn nguyên với địa hình cao và hiểm trở.

**Câu 8:** Cho bảng số liệu sau:

**SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA LIÊN BANG NGA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sản phẩm | 1995 | 2005 | 2010 | 2015 |
| Dầu mỏ (triệu tấn) | 305 | 470 | 511,8 | 540,7 |
| Than (triệu tấn) | 270,8 | 298,3 | 322,9 | 373,3 |

*Nguồn: (tailieumoi.com)*

a) Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp của Liên Bang Nga giai đoạn 1995 – 2015.

b) Nhận xét biểu đồ đã vẽ.

**HẾT**